

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

FLOW S1P SANDAL TLS

FLOWS1PSTL

Sandal không kim | ố n g **đóng TLS**

Hãy để không khí | ưu **dép FLOW!** Dép an toàn này có phần trên thoáng khí hoàn | cho mội | ám áp và khô ráo. FLOW không | **kim** | mũi giày composite | ngoài | ố n g ngoài. Đố n g ợt và đáp | ẩn **ESD** chu

CO₂ 9.70 kg



BLK

Những vật liệu **cao** cấp hơn	ống **nubuck** t
ót bên trong	i 3D lưới
rong Đ	ệm **chân SJ** làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	ống hợp t
i Loạ	S1 P / SRC, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
g lượng **thép**	0.610 kg
ẩn **hóa** chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011



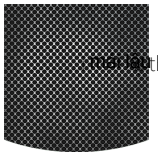
TLS (Hệ thống **khóa** x Nhờ phần **đóng TLS** sáng tạo Safety Jogger , bạn có thể **giày** và trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi đeo găng tay **an toàn** này, hệ thống TLS đảm bảo độ chính xác phù hợp nhanh chóng, an toàn và dễ dàng. Một trong đó cung cấp và thúc đẩy hiệu s



3D lưới



chống **tĩnh** điện Giày chống tĩnh điện ngăn chặn bảo rằng **chúng** một **cách** hiệu ất u



Mặt **trên thoáng khí**, có | Tăng cường kiểm soát độ ẩm và



Mũi giày an toàn composite Không **kim** | và



X **ESD** cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** g bắt lửa do tích điện.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô,** phục vụ **ăn** uố cần g, hậ

ường: **Môi** t
ru ờn **mộ**i **khô,** Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ **giày, chúng tôi khuyên** bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằm phẳ **cách** hầ nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **nubuck** tợp **cao** cấp h ơn			
	Top: khả **năng** ấm ớ h ơ	? 0.8	2.2 ờ mg/cm/g
	Top: h nụ số ớ h ơ	? 15	28 mg/cm2
ót bên trong	i **3D** l ư ớ		
	L ớp **lót:** ấm ớ h ơ	? 2	61 ờ mg/cm/g
	lót: h nụ số ớ h ơ	? 20	490 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**		
	Ch ố ả ng t ợ mài mòn (	? 150	84 mm
	a đế **ngoài SRA** gót chân	? 0.28	0.36 ma sát
	a đế **ngoài SRA** Phẳ t g	? 0.32	0.37 ma sát
	a đế **ngoài SRB** gót chân	? 0.13	0.14 ma sát
	ặ đế **ngoài SRB** phẳ g	? 0.18	0.19 ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	39 megaohm
	Hấp thụ **năng** l ợ gót chân ủ	? 20	27 J
Đ ở n g ầ tợp			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 100J)**	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g **nén** (kh oản g h ở **sau khi nén 10kN)**	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 200J)**	? 14	15.0 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g **nén** (kh oản g h ở **sau khi nén 15kN)**	? 14	19.0 mm

kích thước **thép: 42**

a chú **giày** khẳ có **thay** và nhãn hiệu **Safety Jogger** đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO phát** thả		
	V ật l iệu	7.42 kg
	Bao bì	0.12 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		9.70 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	6%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị được **làm** tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.